

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2017/KDTM-PT

Ngày: 28 /4/2017

V/v: tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Thanh Hưng**

Các Thẩm phán: **Ông Bùi Mạnh Hùng**

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Ông Lê Quốc Hiệp- Kiểm sát viên

Ngày 28/4/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 89/2016/TLPT-KDTM ngày 07/12/2016 về tranh chấp hợp đồng mua bán.

Do bản án sơ thẩm số 06/2016/KDTM-ST ngày 29/9/2016 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 69/2017/QĐPT –KDTM ngày 05/4/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần vận tải và thương mại V.

Địa chỉ: phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị Thu H– Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị H.

(Theo Giấy ủy quyền số 54/VETRANCO ngày 15/6/2016)

-Bị đơn: Công ty cổ phần dịch vụ và kỹ thuật tổng hợp H

Địa chỉ: phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Việt C – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Viết T; bà Nguyễn Thị H.

(Theo Giấy ủy quyền số 21/HCD/BQH/16 ngày 21/7/2016)

Người kháng cáo: công ty cổ phần vận tải và thương mại V – nguyên đơn; công ty cổ phần dịch vụ và kỹ thuật tổng hợp H - bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ sơ thẩm thì vụ án có nội dung như sau:

Công ty cổ phần vận tải và thương mại V (sau đây gọi tắt là công ty V) và công ty cổ phần dịch vụ và kỹ thuật tổng hợp H (sau đây gọi tắt là công ty H) đã ký 02 hợp đồng kinh tế:

-Hợp đồng số 0412/VE-HCD ngày 28/10/2012. Nội dung: công ty V cung cấp thép cuộn cán nóng, thép tấm, thép cuộn cán nguội cho công ty H; giá trị hợp đồng: 3.640.801.163đ.

-Hợp đồng số 0113/VE-HCD ngày 29/3/2013. Nội dung: công ty V cung cấp hạt nhựa PP, BSR, T3034; giá trị hợp đồng: 6.456.342.287đ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, công ty V đã cung cấp đủ số lượng hàng hóa theo giá trị trong hợp đồng. Tính đến ngày 31/12/2015, công ty H đã thanh toán cho công ty V số tiền 7.250.910.675đ. Tính đến ngày 31/8/2016, công ty H đã thanh toán thêm số tiền 45.000.000đ. Công ty H còn nợ công ty V số tiền 2.801.232.775đ.

Ngày 17.6.2016 Công ty V khởi kiện yêu cầu công ty H phải thanh toán số tiền nợ gốc là 2.801.232.775đ, tiền lãi chậm thanh toán là 1.328.281.708đ, tiền phạt do vi phạm hợp đồng là 201.942.869đ. Tổng: 4.331.457.352đ.

Bị đơn – công ty H: xác nhận đã ký hợp đồng kinh tế như công ty V đã trình bày, xác nhận nợ gốc chưa thanh toán của hai hợp đồng là 2.801.232.775đ. Về tiền lãi chậm thanh toán và tiền phạt vi phạm hợp đồng: không chấp nhận yêu cầu của công ty V với lý do thời hiệu khởi kiện đã hết theo Điều 329 Luật thương mại, đề nghị triệu tập công ty cổ phần vật tư và thiết bị T tại Đà Nẵng và công ty TNHH thương mại và vật tư C với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vì lý do sau khi ký hai hợp đồng nêu trên, công ty H đã ký tiếp hợp đồng kinh tế với công ty cổ phần vật tư và thiết bị T và công ty TNHH thương mại và vật tư C và đã chuyển giao hàng hóa cho hai công ty này. Do hai công ty này chậm thanh toán và thanh toán không đầy đủ nên dẫn tới việc công ty H chậm thanh toán với công ty V, đề nghị Tòa án buộc hai công ty nêu trên có trách nhiệm thanh toán đối trừ thay cho công ty H.

Tại bản án sơ thẩm số 06/2016/KDTM-ST ngày 29/9/2016 của Tòa án nhân dân quận T đã quyết định:

-Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của công ty cổ phần vận tải và thương mại V đối với công ty cổ phần dịch vụ và kỹ thuật tổng hợp H.

-Buộc công ty cổ phần dịch vụ và kỹ thuật tổng hợp H phải có trách nhiệm thanh toán trả cho công ty cổ phần vận tải và thương mại V số tiền 4.129.514.483đ, trong đó tiền nợ gốc là 2.801.232.775đ cộng với tiền lãi chậm trả là 1.328.281.708đ.

-Bác yêu cầu của nguyên đơn về phạt hợp đồng 2% trên tổng giá trị hợp đồng là 201.942.869đ.Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Tại đơn kháng cáo ngày 10/10/2017 và tại biên bản lấy lời khai ngày 14/2/2017, công ty H kháng cáo với nội dung: đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại nội dung buộc công ty H phải thanh toán cho công ty V tiền lãi chậm thanh toán là 1.328.281.708đ với lý do thời hiệu khởi kiện đã hết, yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng.

Ngày 10/10/2016, công ty V có đơn kháng cáo một phần bản án, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại phần yêu cầu phạt hợp đồng theo đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Công ty H rút một phần kháng cáo về việc đưa thêm người tham gia tố tụng và công ty V vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng đều tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: các hợp đồng các bên ký kết tự nguyện, hình thức và nội dung không trái quy định pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Về phạt vi phạm: các bên có thỏa thuận về phạt vi phạm, tuy chưa đúng với quy định tại điều 301 Luật thương mại nhưng mức tính phạt cụ thể không vượt quá 8% nghĩa vụ bị vi phạm nên có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên đương sự trình bày, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử nhận định:

Về kháng cáo: công ty H và công ty V có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Vì vậy đơn kháng cáo là hợp lệ.

Về nội dung vụ án:

Công ty V và Công ty H đã ký 02 hợp đồng kinh tế như đã nêu trên. Các điều khoản về thanh toán của 2 hợp đồng cụ thể :

-Hợp đồng số 0113/VE-HCD ngày 29/3/2013, điều khoản thanh toán quy định:

“...Điều 3.

3.1.Bên B đặt cọc cho bên A số tiền: 1.242.000.000 VNĐ ngay sau khi hợp đồng được hai bên ký kết.

3.2.Số tiền còn lại bên B thanh toán cho bên A trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận hàng

....”.

-Hợp đồng số 0412/VE-HCD ngày 28/10/2012, điều khoản thanh toán quy định:

“..Điều 3.

3.1.Bên B đặt cọc cho bên A số tiền là: 700.000.000đ ngay sau khi hợp đồng được hai bên ký kết.

3.2.Số tiền còn lại bên B thanh toán cho bên A trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận hàng.

..”.

Hai bên đều có lời khai xác nhận nội dung, quá trình thực hiện các hợp đồng, xác nhận số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 2.801.232.775đ. Lời khai của hai bên phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, tòa án cấp sơ thẩm nhận định và quyết định công ty H phải thanh toán trả cho Công ty V số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 2.801.232.775đ là có căn cứ.

Xét kháng cáo của bị đơn về số tiền lãi chậm thanh toán, thấy rằng:

-Về thời hiệu: theo tài liệu có trong hồ sơ thì các bên đã tiến hành chốt công nợ (gốc) ngày 30/12/2016, tiếp tục thanh toán gốc vào tháng 8/2016 và thừa nhận nghĩa vụ trong khi đó ngày khởi kiện là ngày 17/6/2016. Theo quy định tại Điều 319 Luật thương mại thì thời hiệu khởi kiện là 2 năm, nhưng theo quy định tại Điều 157 Bộ luật dân sự về bắt đầu lại thời hiệu thì thời hiệu khởi kiện lại của nguyên đơn được tính lại từ khi thừa nhận nghĩa vụ thanh toán.

- Về số tiền lãi chậm thanh toán: căn cứ Điều 306 Luật thương mại thì công ty V có quyền yêu cầu Công ty H phải trả tiền lãi chậm thanh toán đối với số tiền chậm thanh toán tiền hàng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận quyền yêu cầu của công ty V đối với công ty H về số tiền lãi chậm thanh toán tính trên số dư nợ gốc chưa trả theo từng đợt thanh toán cụ thể, bắt đầu từ ngày 2/11/2012 đối với Hợp đồng số 0412, bắt đầu từ ngày 02/7/2013 đối với Hợp đồng 0113 đến ngày 31/8/2016 theo bảng tính lãi chậm trả của Công ty H là có căn cứ.

Về mức lãi suất và thời gian chậm thanh toán, số tiền chậm thanh toán: tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu số tiền chậm thanh toán là 1.643.891.051đ trên cơ sở số nợ gốc, thời gian thanh toán và mức lãi 13,5%/năm tính đến ngày 31/5/2016 (nguyên đơn căn cứ vào lãi suất của 3 ngân hàng là Vietcombank, Vietinbank, Agribank và ghi tại BL số 100).

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn thay đổi yêu cầu về số tiền chậm thanh toán cụ thể là 1.328.282.708đ theo mức lãi suất 12,75%/năm tính đến ngày 31/8/2016 tại bảng kê tính lãi chậm trả ngày 31/8/2016 và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận.

Xét thấy, việc tính thời gian chậm trả đối với từng khoản tiền là có căn cứ vì các bên đã có bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2015, tại bản đối chiếu công nợ này, các bên đã xác nhận từng khoản tiền đã trả, ngày trả (BL số 42). Về mức lãi suất, theo yêu cầu của nguyên đơn là 12,75% là dựa vào lãi suất trung bình của 3 ngân hàng là Vietcombank, Vietinbank, Agribank (BL số 114), nhưng nguyên đơn chỉ xuất trình được xác nhận mức lãi suất của Ngân hàng Agribank đối với cho vay ngắn hạn là 8,5%/năm, cho vay trung, dài hạn là 10%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay thông thường. Trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã thu thập thêm căn cứ của Ngân hàng Thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam cho vay ngắn hạn là 8%, 9%/năm, cho vay trung dài hạn là 10,20%, 10,50%/năm, mức lãi suất nợ quá hạn là 130% mức lãi suất cho vay trong hạn. Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam cho vay trong hạn dưới 6 tháng là 9%/năm, trên 6 tháng đến 12 tháng là 9,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn không quá 150%/năm mức lãi suất cho vay trong hạn. Thì mức lãi suất mà nguyên đơn đưa ra là 12,75%/năm là phù hợp với trung bình mức lãi suất quá hạn (tính trên lãi suất ngắn hạn) của 3 ngân hàng theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại 150% (là $8\%+9\%+8,5\%=25,5\%$): $3=8,5\%\times 150\%=12,75\%$ Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận tại phiên tòa xét xử sơ thẩm là thiếu căn cứ nhưng tài liệu bổ sung tại cấp phúc thẩm là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bổ sung tài liệu mới là bản phụ lục hợp đồng (cho hợp đồng số 0412/VE-HCD ngày 28/10/2012) yêu cầu nguyên đơn cho biết theo phụ lục thì ngày tính lãi chậm trả như thế nào. Bản phụ lục hợp đồng có nội dung:

“Điều 1. Trị giá hợp đồng:

Tổng giá trị thanh toán của hợp đồng mua bán nói trên được hai bên xác nhận tại thời điểm ký hợp đồng bao gồm thuế VAT là 10%, vay Ngân hàng 90 ngày với lãi suất là 12%/năm bằng VNĐ.

Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi về các chi phí, lãi suất vay, phí thanh toán của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Sở giao dịch 3 thì hai bên sẽ cùng nhau tính lại giá.

Điều 2: Thanh toán

Số tiền còn lại bên B thanh toán cho bên A trong vòng 90 ngày kể từ ngày bên A nhận nợ với Ngân hàng. Từ ngày 91 bên B thanh toán theo lãi phạt chậm trả 150% lãi suất vay nhưng không quá 5 ngày kể từ ngày hết hạn với Ngân hàng. ...”.

Theo giải thích của nguyên đơn tại phiên tòa về nội dung Điều 1 Phụ lục hợp đồng thể hiện cơ cấu cấu thành giá cả của hàng hóa chỉ để làm căn cứ để điều chỉnh giá nếu có, nhưng không xảy ra việc điều chỉnh giá.

Còn nội dung điều 2 Phụ lục hợp đồng thể hiện trường hợp bên A vay Ngân hàng để thực hiện hợp đồng thì bên B chậm thanh toán phải chịu mức trả do chậm thanh toán theo phụ lục là 150% của mức lãi suất 12%/năm sẽ là 18%/năm. Nhưng do không phát sinh nên nguyên đơn không yêu cầu theo phụ lục này. Yêu cầu của

nguyên đơn với mức lãi suất 12,75%/năm và sau 90 ngày kể từ ngày giao hàng không làm thiệt hại cho bị đơn theo quy định tại phụ lục vì thời gian sau 90 ngày kể từ ngày giao hàng có lợi hơn (với trường hợp nếu phải vay ngân hàng để mua hàng rồi mới giao hàng); mức lãi suất 12,75%/năm có lợi hơn và thời gian chỉ tính đến ngày 31/8/2016 trong khi đó ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/9/2016.

Hội đồng xét xử xét thấy: phụ lục hợp đồng do bị đơn xuất trình là tình tiết mới nhưng với nội dung mới của phụ lục hợp đồng được nguyên đơn giải thích là có căn cứ và như vậy tình tiết mới không có lợi cho bị đơn, không ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn.

Xét kháng cáo của nguyên đơn: yêu cầu chấp nhận khoản phạt do vi phạm hợp đồng, thấy rằng:

Căn cứ Điều 300 Luật thương mại thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu bên vi phạm hợp đồng trả một khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng nếu trong hợp đồng có thỏa thuận, trừ các trường hợp được miễn trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Trong vụ án này, công ty V và công ty H đã thỏa thuận về phạt hợp đồng tại Điều 6 Hợp đồng mua bán số 0113/VE-HCD và tại Điều 6 Hợp đồng mua bán số 04112/VE-HCD, như vậy công ty V có quyền yêu cầu công ty H là bên vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán phải trả tiền phạt đối với phần giá trị thanh toán bị vi phạm.

Về mức phạt hợp đồng: căn cứ Điều 301 Luật thương mại thì mức phạt vi phạm không được quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. Mức phạt hai bên thỏa thuận trong hợp đồng là 2%, tuy chưa đúng với quy định của Luật thương mại về cách tính, nhưng về số tiền phạt cụ thể mà công ty V yêu cầu 201.942.689đ không vượt quá 8% của số tiền chậm thanh toán 2.801.232.775đ (giá trị nghĩa vụ bị vi phạm) nên cần được chấp nhận.

- Về án phí: do sửa án sơ thẩm nên công ty V và công ty H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: công ty H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 112.460.971đ.

Bởi các lẽ trên;

Căn cứ Điều 300, 301, 306 Luật kinh doanh thương mại; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 30 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12; khoản 1 Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự 2004 đã sửa đổi bổ sung năm 2011.

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của công ty cổ phần dịch vụ và kỹ thuật tổng hợp H

2. Chấp nhận kháng cáo của công ty cổ phần vận tải và thương mại V.

3. Sửa bản án sơ thẩm, cụ thể như sau:

-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty cổ phần vận tải và thương mại V.

- Buộc công ty cổ phần dịch vụ và kỹ thuật tổng hợp H phải thanh toán cho công ty cổ phần vận tải và thương mại V số tiền: 4.331.457.352đ, trong đó tiền nợ gốc là 2.801.232.775đ, tiền lãi chậm thanh toán là 1.328.281.708đ, phạt vi phạm hợp đồng là 201.942.869đ.

- Về án phí:

Công ty cổ phần dịch vụ và kỹ thuật tổng hợp H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 112.460.971đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AC/2010 0007738 tại Chi cục thi hành án dân sự quận T, thành phố Hà Nội, còn phải nộp số tiền 112.260.971đ.

Công ty cổ phần vận tải và thương mại V được hoàn trả số tiền 200.000đ tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AC/2010 0007741 ngày 11/10/2016 và được hoàn trả 56.325.000đ tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AC/2010 0007467 ngày 5/7/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự quận T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án dân sự của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 28/4/2017.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND quận T;
- Viện KSND TP Hà Nội;
- Chi cục thi hành án dân sự quận T.
- Cục thi hành án dân sự TP Hà Nội.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN**

Nguyễn Thanh Hưng

